

Bản án số: 03/2021/HNGĐ - ST.

Ngày: 18/01/2021.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Thái - Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Gia – Ông Nguyễn Văn Đăng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giáp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện P tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 102/2020/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXX – ST ngày 30 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Như T, sinh năm 1976 (Có mặt).

Trú tại: Xóm N, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- **Bị đơn:** Chị Phạm Thị T, sinh năm 1984 (Có mặt).

Trú tại: Xóm N, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn anh Nguyễn Như T tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay khai như sau: Anh với chị Phạm Thị T kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thành phố T, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, chị T thường xuyên đánh con riêng của anh.

Nên hai vợ chồng hay xảy ra việc cãi vã và đánh nhau, năm 2014 anh đã gửi đơn xin ly hôn chị T tại Tòa án Phú Bình, nhưng chị T xin anh quay lại để tự sửa chữa lỗi lầm, do lúc đó con còn nhỏ nên anh đã rút đơn xin ly hôn chị T. Nhưng đến thời điểm hiện nay, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh xác định không thể sống với chị T được nữa, anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện P giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Ánh D, sinh ngày 28/8/2013. Nếu ly hôn anh xin được nuôi cháu con và không yêu cầu chị T phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh.

- Về tài sản chung: Có 01 nhà cấp 4, diện tích 71m² xây trên đất của bố anh cho anh trước kết hôn, phần nhà anh với chị T tự thỏa thuận với nhau.

- Về nợ chung: Không có.

- Về tài liệu chứng cứ do anh Nguyễn Như T nộp tại Tòa án gồm: 01 đơn khởi kiện về việc ly hôn của anh T với chị T; 01 trích lục kết hôn; 01 trích lục khai sinh của con chị T, anh T; 02 chứng minh nhân dân của chị T, anh T; 01 sổ hộ khẩu của gia đình anh T, chị T.

2. Bị đơn chị Phạm Thị T tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay khai như sau: Chị xác định thời gian kết hôn, con chung đúng như anh T khai. Về mâu thuẫn của vợ chồng chị cũng không có gì lớn, chủ yếu là do anh T nghe mẹ đẻ súi dục, nên giữa anh với chị mới xảy ra mâu thuẫn, anh T cũng đã nhiều lần làm đơn xin ly hôn chị tại Tòa án nhân dân huyện P, đến nay hai vợ chồng chị đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh T xin ly hôn thì chị cũng nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Ánh D, sinh ngày 28/8/2013. Nếu ly hôn chị xin được nuôi cháu con và yêu cầu anh T phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị cho đến khi cháu Dương tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Có 01 nhà cấp 4, diện tích 71m² cùng công trình phụ; 0,7ha rừng.

- Về nợ chung: Có nợ của chị gái của chị 35.000.000đ để xây nhà, khi nợ không có giấy biên nhận giữa hai bên.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được về phần nuôi con chung. Nên vụ án phải đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ, sau khi nghe các đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, các bên đương sự đều có nơi cư trú tại huyện P nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện P.

[2]. Về nội dung: Anh T, chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Lý do anh T xin ly hôn chị T là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị T thường xuyên đánh đập con riêng của anh T, nên vợ chồng liên tục xảy ra những cuộc xích mích to tiếng, kèm theo những lời xúc phạm, lăng mạ nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T với chị T đã diễn ra trong một thời gian dài. Đến nay, tình cảm vợ chồng không thể hòa hợp và hàn gắn được, hai vợ chồng hiện đã sống ly thân. Như vậy xác định mâu thuẫn giữa hai anh chị đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, cuộc sống chung giữa hai vợ chồng anh chị không còn tồn tại. Nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh T, cho anh được ly hôn với chị T là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Ánh D, sinh ngày 28/8/2013. Tại phiên tòa ngày hôm nay, các bên đương sự đều đề nghị được nuôi con chung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xác định cháu Nguyễn Ánh D là con gái còn nhỏ tuổi, nếu giao cháu Dương cho anh T nuôi dưỡng thì sẽ không đảm bảo được sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của bé gái. Nên Hội đồng xét xử thấy cần phải giao cháu Nguyễn Ánh D cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị T yêu cầu anh T phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 1.500.000đ. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu này của chị T là phù hợp nên chấp nhận yêu cầu này của chị. Buộc anh T phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng là 1.500.000đ cho đến khi cháu Nguyễn Ánh D tròn 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung: Quá trình hòa giải, chị T xác định anh chị có 01 nhà cấp 4 diện tích khoảng 75m² cùng công trình phụ; 0,7ha rừng; Nợ của chị gái chị 35.000.000đ để làm nhà. Ngày 02/11/2020, chị T có đơn đề nghị Tòa án tiến hành thẩm định và định giá tài sản chung của anh chị, Tòa án đã ra thông báo nộp tiền

tạm ứng chi phí tố tụng số 62/TB – TA ngày 02/11/2020 và đã giao thông báo này cho chị T. Đến ngày 10/11/2020, chị T đã có đơn đề nghị không giải quyết phần tài sản chung của anh chị nữa, chỉ đề nghị giải quyết việc ly hôn và giải quyết phần nuôi con chung của anh chị.

Đối với khoản nợ của chị gái chị T là 35.000.000đ, tại phiên Tòa ngày hôm nay chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa. Do đó Hội đồng xét xử không giải quyết khoản nợ này trong vụ án này.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí DSST nộp vào ngân sách nhà nước.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 của Bộ Luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Như T và chị Phạm Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ánh D, sinh ngày 28/8/2013 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Như T phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng là 1.500.000đ, cho đến khi cháu Dương tròn 18 tuổi, thời gian đóng góp được tính từ tháng 02/2021; Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, chị T không được ngăn cản anh T đến thăm nom, chăm sóc con. Vì lợi ích của cháu con, anh Nguyễn Như T có quyền xin thay đổi nuôi con chung đối với chị Phạm Thị T.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không tự nguyện thi hành số tiền phải đóng góp cho chị T để nuôi con chung, thì lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy

định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Như T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000325 ngày 25/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên và 300.000đ án phí DSST vào Ngân sách nhà nước

Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt các bên đương sự. Báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện P
- THADS huyện P;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Quang Thái

TAND HUYỆN P
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRÍCH LỤC ÁN

Tại bản án ly hôn sơ thẩm số 27/2019/HNGĐ – ST, Ngày 29/10/2019.
Toà án nhân dân huyện P đã ra tuyên án đối với vụ án ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị Nhung, sinh năm 1977.

Trú tại: Tổ 2, thị trấn Hương Sơn, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Dương Văn Phúc, sinh năm 1973.

Trú tại: Tổ 2, thị trấn Hương Sơn, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Dương Thị Nhung, cho chị Nhung được ly hôn anh Dương Văn Phúc.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Thế Mạnh, sinh ngày 27/9/2004 cho chị Dương Thị Nhung trực tiếp nuôi dưỡng, anh Dương Văn Phúc có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nhung mỗi tháng là 1.500.000đ cho đến khi cháu Mạnh tròn 18 tuổi, thời gian đóng góp tính từ tháng 11/2019. Anh Phúc có quyền đi có quyền đi lại thăm nom con chung, chị Nhung không được ngăn cản anh Phúc đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về công nợ chung: Không có.

6. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Dương Thị Nhung phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước (được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000854 ngày 05/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên); anh Phúc phải nộp 300.000đ án phí DSST về việc cấp dưỡng nuôi con vào ngân sách nhà nước.

CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ - PHẠM QUANG THÁI (ĐÃ KÝ)

TRÍCH LỤC THEO BẢN CHÍNH

Cấp cho chị Nhung 02 bản để sử dụng cá nhân

Ngày 15 tháng 11 năm 2019

THẨM PHÁN

Phạm Quang Thái